



Phụ lục 1

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I		CHỈ SỐ PAR INDEX (28 nhiệm vụ)	
	1	Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (10 nhiệm vụ)	
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm	Theo dõi, quản lý chặt chẽ tình hình, tiến độ các cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì các nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC hằng năm, đảm bảo 100% nhiệm vụ hoàn thành đúng và trước hạn; thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở và tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tại hội nghị giao ban kinh tế - xã hội định kỳ hằng tháng/quý.
2	1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Tổng hợp báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm công tác CCHC đảm bảo về nội dung và thời gian theo quy định.
3	1.3	Công tác kiểm tra CCHC	(i) Tham mưu ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo số lượng đơn vị được kiểm tra theo quy định Bộ Chỉ số CCHC. (ii) Cập nhật, tổng hợp cụ thể danh mục những tồn tại, hạn chế phát hiện thông qua kiểm tra; thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở, phúc tra việc khắc phục của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế phải được hoàn thành dứt điểm việc xử lý trong tháng 11 hằng năm . (iii) Trước ngày 15/12 hằng năm, phải tổng hợp, báo cáo và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xử lý trách nhiệm những cơ quan, đơn vị không hoàn thành việc khắc phục theo quy định.
4	1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	(i) Tham mưu ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC đảm bảo cụ thể, rõ ràng về nội dung tuyên truyền, hình thức tuyên truyền gắn với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể phục vụ cho việc lượng hóa, đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị. (ii) Ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể các nội dung cải cách hành chính quan trọng, cốt lõi cần tập trung tuyên truyền theo tháng để các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện. (iii) Theo dõi, quản lý chặt chẽ việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao của các cơ

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
			quan, đơn vị, địa phương; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh định kỳ hằng tháng/quý.
5	1.5	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	Tham mưu giao chỉ tiêu về sáng kiến CCHC cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong Kế hoạch CCHC hằng năm đảm bảo đầy đủ trên các lĩnh vực CCHC.
6	1.6	Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh; đảm bảo 100% nhiệm vụ hoàn thành đúng và trước hạn; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tại hội nghị giao ban kinh tế - xã hội định kỳ hằng tháng/quý.
	2	Cải cách thủ tục hành chính (10 nhiệm vụ)	
7	2.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật đối với công tác kiểm soát, đánh giá tác động việc ban hành các TTHC trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HDDND tỉnh, UBND tỉnh đảm bảo không có TTHC được ban hành trái thẩm quyền.
8	2.2	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	(i) Thường xuyên kiểm tra, rà soát việc cập nhật, đồng bộ thông tin TTHC giữa Cổng Dịch vụ công của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia. (ii) Định kỳ hằng tuần kiểm tra việc đồng bộ, công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết 100% hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. (iii) Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh các trường hợp công bố TTHC không đảm bảo thời gian theo quy định.
9	2.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	(i) Lồng ghép nội dung kiểm tra việc thực hiện quy định “100% TTHC được tiếp nhận tại Trung tâm PVHCC tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp xã” trong công tác kiểm tra CCHC. (ii) Theo dõi, quản lý và tham mưu, đề xuất việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của cơ quan ngành dọc tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh.
10	2.4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	(i) Theo dõi, quản lý và thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị liên quan đối với các trường hợp hồ sơ TTHC còn thời hạn 01 ngày giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết. (ii) Thực hiện nền nếp công tác tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về những tổ chức, cá nhân gây trễ hạn hồ sơ TTHC tại hội nghị giao ban kinh tế - xã hội định kỳ hằng tháng/quý.

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
11	2.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	(i) Thực hiện chuyển nội dung PAKN đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận PAKN. (ii) Theo dõi, quản lý và thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị liên quan đối với các trường hợp PAKN còn thời hạn 02 ngày xử lý nhưng chưa hoàn thành việc xử lý.
	3	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số (05 nhiệm vụ)	
12	3.1	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước	Phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng Hệ thống theo dõi chỉ đạo, điều hành của tỉnh đáp ứng đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
13	3.2	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức	(i) Thường xuyên rà soát, nâng cấp các chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng thông tin điện tử của tỉnh đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành. (ii) Kịp thời đăng đầy đủ tin bài liên quan đến hoạt động của UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh và thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. (iii) Thường xuyên, rà soát, nâng cấp các chức năng, tính năng kỹ thuật của “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh” đáp ứng yêu cầu đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.. (iv) Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện “Khung nhiệm vụ thực hiện Chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp” ban hành kèm theo Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 12/10/2024 của UBND tỉnh; trong đó lưu ý các chỉ tiêu về tỷ lệ: số hóa hồ sơ, dịch vụ công toàn trình, thanh toán trực tuyến, hồ sơ toàn trình phải thuộc nhóm dẫn đầu toàn quốc .
	4	Đánh giá tác động của cải cách hành chính (03 nhiệm vụ)	
14		Khảo sát, đánh giá công tác CCHC tại địa phương	(i) Lấy ý kiến góp ý của đại biểu HĐND tỉnh về các vấn đề đổi mới trong công tác CCHC phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở đại phương và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp sau khi có kết quả điểm chỉ số Par index. (ii) Tham mưu, đề xuất và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tham gia góp ý của đại biểu HĐND tỉnh. (iii) Thông tin đến đại biểu HĐND tỉnh nắm bắt về tình hình, kết quả thực hiện CCHC trên địa

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		bàn tính phục vụ cho việc điều tra xã hội học trong đánh giá kết quả chỉ số Par index.
II	CHỈ SỐ SIPAS (15 nhiệm vụ)	
15	1	Tiếp cận dịch vụ (03 nhiệm vụ)
		(i) Thường xuyên rà soát, khắc phục, nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. (ii) Lồng ghép nội dung kiểm tra việc nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp trong công tác kiểm tra CCHC. Kiến nghị xử lý những vấn đề cần phải khắc phục, hoàn thiện của các địa phương. (iii) Tham mưu việc triển khai các hình thức cung cấp thông tin về TTHC: thông qua phương tiện thông tin đại chúng, ứng dụng CNTT, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức tiếp cận, tìm hiểu để thực hiện khi có nhu cầu.
16	2	Thủ tục hành chính (04 nhiệm vụ)
		(i) Thực hiện việc niêm yết, công khai TTHC đầy đủ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. (ii) Có nội dung thông báo, hướng dẫn việc khai thác sử dụng các hình thức công khai thông tin về TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để người dân, biết nắm bắt thông tin và khai thác sử dụng. (iii) Thường xuyên theo dõi, quản lý chất lượng công tác hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của người làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đảm bảo theo định. (iv) Kiểm tra việc thực hiện của các địa phương đối với các nội dung nêu trên trong công tác kiểm tra CCHC hằng năm và đột xuất khi cần thiết.
17	3	Công chức trực tiếp giải quyết công việc (01 nhiệm vụ)
		Thường xuyên quản lý, tổ chức quán triệt việc thực hiện nghiêm các quy định về văn hóa công vụ, nâng cao chất lượng đón tiếp, giao tiếp, phục vụ người dân đến liên hệ công tác tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
18	4	Kết quả dịch vụ (02 nhiệm vụ)
		(i) Theo dõi, quản lý và thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị liên quan đối với các trường hợp hồ sơ TTHC còn thời hạn 01 ngày giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết. (ii) Kịp thời phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh vướng mắc liên quan đến kết quả giải quyết TTHC được tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.
19	5	Cơ quan chính quyền tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân (05 nhiệm vụ)

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
			(i) Thực hiện niêm yết công khai đường dây nóng, các quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, tổ chức. (ii) Thực hiện chuyển nội dung PAKN đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận PAKN. (iii) Theo dõi, quản lý và thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị liên quan đối với các trường hợp PAKN còn thời hạn 02 ngày xử lý nhưng chưa hoàn thành việc xử lý. (iv) Công khai đầy đủ kết quả xử lý phản ánh nghị của người dân, tổ chức theo quy định. (v) Rà soát, đánh giá kết quả, chất lượng trả lời phản ánh, kiến nghị, nội dung trả lời phải giải thích rõ ràng, đầy đủ để tránh trường hợp người dân, doanh nghiệp đánh giá không hài lòng về chất lượng giải quyết phản ánh, kiến nghị hoặc tiếp tục gửi phản ánh, kiến nghị lần 2 trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
III		CHỈ SỐ PAPI (07 nhiệm vụ)	
	1	Thủ tục hành chính công (04 nhiệm vụ)	
20	1.1	Dịch vụ chứng thực, xác thực của chính quyền	(i) Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo đẩy mạnh việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính; nâng cấp, cải thiện các tính năng Phần mềm Một cửa điện tử đảm bảo thuận lợi cho các xã, phường trong giải quyết TTHC. (ii) Thường xuyên kiểm tra, rà soát việc cập nhật, đồng bộ thông tin TTHC giữa Cổng Dịch vụ công của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia. (iv) Định kỳ hằng tuần kiểm tra việc đồng bộ, công khai đầy đủ tiến độ, kết quả giải quyết 100% hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. (iv) Theo dõi, quản lý và thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị liên quan đối với các trường hợp hồ sơ TTHC còn thời hạn 01 ngày giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết.
21	1.2	Thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	
22	1.3	Dịch vụ hành chính cấp xã/phường	
	2	Quản trị điện tử (03 nhiệm vụ)	
23	2.1	Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương	Thường xuyên rà soát, nâng cấp các chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng thông tin điện tử của tỉnh đáp ứng yêu cầu đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
24	2.2	Phúc đáp của chính quyền qua cổng thông tin điện tử	(i) Thực hiện chuyển nội dung PAKN đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận PAKN. (ii) Theo dõi, quản lý và thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị liên quan đối với các trường hợp PAKN còn thời hạn 02 ngày xử lý nhưng chưa hoàn thành việc xử lý.
			Tổng cộng: 50 nhiệm vụ

Phụ lục 2

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ NỘI VỤ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I	Chỉ số PAR INDEX (13 nhiệm vụ)		
	1	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (05 nhiệm vụ)	
1	1.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị	(i) Kịp thời phối hợp, đôn đốc, đảm bảo 100% cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được ban hành, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật hiện hành. (ii) Phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.
2	1.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	Thường xuyên rà soát, điều chỉnh số biên chế công chức và số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị SNCL của tỉnh đảm bảo không vượt số lượng được cấp có thẩm quyền giao
3	1.3	Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước	(i) Thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, đánh giá và tham mưu UBND tỉnh xem xét việc phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đảm bảo theo các quy định của pháp luật hiện hành. (ii) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp xã.
	2	Cải cách chế độ công vụ (08 nhiệm vụ)	
4	2.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	Thường xuyên phối hợp, đôn đốc các cơ quan, đơn vị rà soát trình cấp có thẩm quyền ban hành, điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức
5	2.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	(i) Tham mưu kế hoạch tuyển dụng công chức và tổ chức thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch trong tuyển dụng. (ii) Tổ chức giám sát đối với các kỳ tuyển dụng viên chức để thực hiện đảm bảo theo quy

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
			định.
6	2.3	Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý	Tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý đảm bảo không có trường hợp được bổ nhiệm không đúng quy định.
7	2.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	(i) Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. (ii) Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.
8	2.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	Tham mưu Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức thực hiện hoàn thành 100% các nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch.
9	2.6	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	Kiểm tra, hướng dẫn việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Rà soát, tổng hợp, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo việc thực hiện.
II		CHỈ SỐ SIPAS (09 nhiệm vụ)	
10	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)	
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở về các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị, địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.	
11	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (02 nhiệm vụ)	
		(i) Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan liên quan, đặc biệt là chính quyền địa phương cấp xã, thôn, tổ dân phố trong việc tổ chức thực hiện Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022. (ii) Thực hiện đa dạng nhiều hình thức để người dân dễ dàng tham gia góp ý xây dựng đối với các văn bản quy phạm pháp luật được lấy ý kiến của người dân (đăng tải trên trang thông tin điện tử, hộp/ phòng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý	

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân ...).	
12	3	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (02 nhiệm vụ)	
		(i) Kiểm tra, đánh giá công tác triển khai Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 tại các địa phương; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền các vấn đề phát sinh, nổi cộm, gây bức xúc trong dư luận. (ii) Xây dựng các giải pháp triển khai thực chất, hiệu quả đảm bảo kết quả thực hiện phải “trực tiếp đến được với người dân”	
13	4	Kết quả, tác động của chính sách (02 nhiệm vụ)	
		(i) Xây dựng chương trình bồi dưỡng cho công chức, viên chức kỹ năng về báo chí và truyền thông (kỹ năng viết tin, bài phản ánh, biên tập ảnh...); về các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác tuyên truyền, truyền thông trong thời đại số. (ii) Tăng cường kiểm tra việc thực thi công vụ của công chức, viên chức, người lao động, nhất là trong Hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai một cấp và UBND cấp xã. Tham mưu, đổi mới phương pháp kiểm tra công vụ gắn với xây dựng chế tài nghiêm minh xử lý các hành vi tiêu cực, những thiếu.	
III		CHỈ SỐ PAPI (03 nhiệm vụ)	
14	1	Tham gia người dân ở cấp cơ sở (02 nhiệm vụ)	
15	1.1	Tri thức công dân	Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở của các địa phương cấp xã; trong đó lưu ý các nội dung theo Nghị quyết số 43/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024 của HĐND tỉnh về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch thực hiện công tác dân vận chính quyền hàng năm của UBND tỉnh.
16	1.2	Chất lượng bầu cử	Phối hợp kiểm tra, giám sát việc tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố theo quy định.
	2	Kiểm soát tham nhũng khu vực công (01 nhiệm vụ)	
17	2.1	Công bằng trong tuyển dụng vào cơ quan nhà nước	Công khai, minh bạch về tuyển dụng công chức; phối hợp giám sát việc tuyển dụng viên chức đúng theo quy định của pháp luật
Tổng số: 25 nhiệm vụ			



Phụ lục 3

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I		Chỉ số PAR INDEX (06 nhiệm vụ)	
	1	Cải cách thể chế (06 nhiệm vụ)	
1	1.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TĐTHPL)	(i) Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật đảm bảo theo quy định. (ii) Tổ chức kiểm tra, khảo sát về tình hình thi hành pháp luật; kịp thời xử lý, kiến nghị UBND tỉnh xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định.
2	1.2	Công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm	Thường xuyên rà soát, kịp thời công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực.
3	1.3	Kiểm tra, xử lý VBQPPL	(i) Thường xuyên kiểm tra, rà soát VBQPPL do tỉnh ban hành, kịp thời tham mưu UBND tỉnh xử lý các văn bản cần phải xử lý sau kiểm tra. (ii) Kịp thời phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh xử lý các VBQPPL có nội dung trái pháp luật đã được các cơ quan có thẩm quyền kiến nghị đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định.
4	1.4	Cập nhật văn bản thuộc trách nhiệm của địa phương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Thường xuyên kiểm tra, rà soát việc cập nhật các văn bản của tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có liên quan.
II		CHỈ SỐ SIPAS (08 nhiệm vụ)	
5	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)	

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở về các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.
6	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (02 nhiệm vụ)
		(i) Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan liên quan, đặc biệt là chính quyền địa phương cấp xã, thôn, tổ dân phố trong việc tổ chức thực hiện Luật Tiếp cận thông tin 2016, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. (ii) Thực hiện đa dạng nhiều hình thức để người dân dễ dàng tham gia góp ý xây dựng đối với các văn bản quy phạm pháp luật được lấy ý kiến của người dân (đăng tải trên trang thông tin điện tử, hộp/ phòng vắn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân ...).
7	3	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (02 nhiệm vụ)
		(i) Kiểm tra, đánh giá công tác triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin 2016, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các Nghị định hướng dẫn thi hành của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh và địa phương; Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền các vấn đề phát sinh, nổi cộm, gây bức xúc trong dư luận. (ii) Xây dựng các giải pháp triển khai thực chất, hiệu quả đảm bảo kết quả thực hiện phải “trực tiếp đến được với người dân”.
8	4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)
		Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền lợi ích hợp pháp của công dân khi tham gia quyền tiếp cận thông tin phục vụ nâng cao dân trí, giúp đời sống của người dân ngày càng tốt hơn.
III		CHỈ SỐ PAPI (09 nhiệm vụ)
	1	Tham gia người dân ở cấp cơ sở (02 nhiệm vụ)
9	Cơ hội tham gia của người dân	(i) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực tư pháp, theo chức năng, nhiệm vụ của Sở Tư pháp (ii) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện trách nhiệm

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		của cơ quan thường trực Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh trong việc hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật mới (pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, phòng chống tham nhũng...); tuyên truyền, truyền thông về vị trí lãnh đạo của Đảng, chính quyền các cấp; về các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể để người dân biết và tham gia.
2	Công khai minh bạch trong hoạch định chính sách (03 nhiệm vụ)	
10	Tiếp cận thông tin	(i) Duy trì và nâng cấp trang Thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Bình Định; liên kết Trang Thông tin điện tử phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh với Cổng thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia. (ii) Thực hiện nhiều hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật (trực tiếp, trực tuyến) và trên các ứng dụng mạng xã hội, tăng khả năng tiếp cận chính sách, pháp luật của người dân. (iii) Hướng dẫn, quán triệt, tuyên truyền, truyền thông để thực hiện tốt Luật tiếp cận thông tin, đảm bảo quyền được tiếp cận các thông tin của người dân theo quy định của pháp luật.
3	Trách nhiệm giải trình với người dân (02 nhiệm vụ)	
11	Tiếp cận dịch vụ tư pháp	(i) Tăng cường hướng dẫn về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên. (ii) Trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định.
4	Thủ tục hành chính công (02 nhiệm vụ)	
12	Dịch vụ chứng thực, xác thực của chính quyền	(i) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức hộ tịch trên địa bàn tỉnh. (ii) Thực hiện đảm bảo theo quy định về công tác giải quyết TTHC về chứng thực, hộ tịch.
		Tổng cộng: 23 nhiệm vụ



Phụ lục 4

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1592** /QĐ-UBND ngày **12** tháng **5** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I	Chỉ số PAR INDEX (16 nhiệm vụ)		
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (02 nhiệm vụ)	
1	1.1	Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	(i) Xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo UBND tỉnh với doanh nghiệp đối với các lĩnh vực được UBND tỉnh phân công phụ trách có liên quan đến người dân, doanh nghiệp. (ii) Tham mưu UBND tỉnh xử lý 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đúng tiến độ thuộc phạm vi quản lý của cơ quan
	2	Cải cách tài chính công (08 nhiệm vụ)	
2	2.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	(i) Đơn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện giải ngân 100% số tiền ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được giao. (ii) Thường xuyên kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định; tham mưu, đề xuất xử lý kỷ luật đối với những trường hợp có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính. (iii) Đơn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành 100% kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.
3	2.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	(i) Kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, điều chỉnh các văn bản về quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo nội dung công khai theo quy định, cụ thể: + Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô chuyên dùng. + Quy định danh mục, thời gian tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định vô hình.

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		+ Quy định thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông. + Kế hoạch thực hiện tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư. (ii) Tăng cường quản lý nhà nước đối với công tác quản lý, sử dụng tài sản công; đảm bảo không có trường hợp bị vi phạm về công tác quản lý, sử dụng tài sản công. (iii) Tham mưu kịp thời việc thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh; đảm bảo trên 80% số cơ sở nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh được xử lý, sắp xếp lại.
4	2.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) (i) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo; đề xuất cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh và các giải pháp để thực hiện việc giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện được các chỉ tiêu: + Hằng năm, có thêm đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên trong năm. + Hằng năm, có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên + Hằng năm, có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên + Hằng năm, có thêm đơn vị tự bảo đảm từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên (ii) Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh; đảm bảo 100% các ĐVSNCL không xảy ra vi phạm trong việc sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính.
	3	Tác động của cải cách hành chính đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế - xã hội (06 nhiệm vụ)
5	3.1	Mức độ thu hút đầu tư (i) Đề xuất đơn giản hóa, cải tiến quy trình, rút ngắn thời gian đối với các TTHC liên quan đến doanh nghiệp: Đăng ký kinh doanh, cấp Giấy chứng nhận đầu tư... (ii) Thực hiện công khai và minh bạch trong việc đề xuất UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh; triển khai hiệu quả các thủ tục công bố

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
6	3.2	Mức độ phát triển doanh nghiệp	thông tin doanh nghiệp theo phương thức điện tử. (iii) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết nhanh việc chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp. (iv) Kịp thời tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh để các nhà đầu tư chủ động trong việc tiếp cận thông tin và lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực đầu tư phù hợp.
7	3.3	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh	Phối hợp các cơ quan đề xuất UBND tỉnh các giải pháp để thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh đảm bảo theo Kế hoạch; phấn đấu thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh thuộc nhóm cao của cả nước
8	3.4	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	Thường xuyên rà soát, đôn đốc các cơ quan, đơn vị hoàn thành các chỉ tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội hàng năm
II		CHỈ SỐ SIPAS (09 nhiệm vụ)	
1	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)	
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở và tại trụ sở cơ quan về các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.	
2	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (02 nhiệm vụ)	
		(i) Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan liên quan, đặc biệt là chính quyền địa phương cấp xã, thôn, tổ dân phố trong việc tổ chức thực hiện nghĩa vụ công khai tài chính về dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính, quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác (ii) Thực hiện đa dạng nhiều hình thức để người dân dễ dàng tham gia, giám sát các nội dung thu - chi tài chính đối với các nội dung được công khai (đăng tải trên Trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương, họp/ phòng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân ...).	

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
3	3	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (03 nhiệm vụ)	
		(i) Kiểm tra, đánh giá công tác thực hiện nghĩa vụ công khai tài chính; Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền các vấn đề phát sinh, nổi cộm, gây bức xúc trong dư luận. (ii) Thực hiện các biện pháp xử lý qua kiểm tra đối với các vấn đề liên quan đến phản ánh về thu - chi, công khai tài chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. (iii) Có các giải pháp cụ thể để người dân được tiếp cận “trực tiếp” đến các thông tin công khai tài chính.	
4	4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền những kết quả đạt được của kinh tế địa phương để người dân tham gia, góp ý giúp cho kinh tế của địa phương tốt hơn.	
III		CHỈ SỐ PAPI (04 nhiệm vụ)	
	1	Tham gia người dân ở cấp cơ sở (02 nhiệm vụ)	
5		Đóng góp tự nguyện	(i) Thường xuyên kiểm tra việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của người dân vào xây dựng các công trình mục đích công cộng; (ii) Kiểm tra, giám sát việc công khai các khoản đóng góp của người dân.
	2	Công khai minh bạch trong hoạch định chính sách (02 nhiệm vụ)	
6		Thu chi ngân sách cấp xã	(i) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện công khai thu, chi ngân sách đảm bảo đầy đủ các nội dung và hình thức theo quy định. (ii) Tăng cường công tác kiểm tra việc công khai thu chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị, địa phương.
		Tổng cộng: 29 nhiệm vụ	

Phụ lục 5

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I		Chỉ số PAR INDEX (07 nhiệm vụ)	
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (02 nhiệm vụ)	
1	1.1	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	(i) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký nội dung sáng kiến cấp tỉnh liên quan đến công tác CCHC. (ii) Đề xuất Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh công nhận các sáng kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương có nội dung liên quan đến CCHC trong phạm vi cấp tỉnh.
	2	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số (05 nhiệm vụ)	
2	2.1	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	(i) Thường xuyên rà soát, nâng cấp và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh theo quy định. (ii) Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định. (iii) Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng và triển khai 100% ứng dụng có dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP); 100% dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức
3	2.2	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước	(i) Thường xuyên kiểm tra, nâng cấp Hệ thống Văn phòng điện tử của tỉnh; đảm bảo 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống. (ii) Thường xuyên kiểm tra việc xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; đảm bảo 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện xử lý văn bản và hồ sơ công việc Hệ thống văn phòng điện tử của tỉnh
II		CHỈ SỐ SIPAS (06 nhiệm vụ)	
4	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)	

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở về các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.
5	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)
		Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan liên quan, đặc biệt là chính quyền địa phương cấp xã, thôn, tổ dân phố trong việc tổ chức đa dạng nhiều hình thức phổ biến các chủ trương, chính sách của tỉnh, Trung ương nhằm nâng cao tiếp cận của người dân trong việc thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” hướng đến xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và khuyến khích người dân đóng góp các ý tưởng, các sáng kiến khoa học tham gia vào phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
6	3	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)
		Chỉ đạo, phối hợp các cơ quan liên quan, chính quyền cấp xã tổ chức triển khai “thực chất” các phong trào giúp người dân có cơ hội tham gia, đóng góp ý kiến.
7	4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)
		Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền những kết quả, ích lợi từ các chính sách về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương ngày càng tốt hơn.
III		CHỈ SỐ PAPI (04 nhiệm vụ)
	1	Quản trị điện tử (04 nhiệm vụ)
8	1.1	Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương (i) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Cổng/Trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương; (ii) Hướng dẫn nâng cấp Cổng/Trang thông tin điện tử theo hướng tăng tính tiện ích, thân thiện, như: giao diện dễ dùng, tương thích trên thiết bị di động; tra cứu tiến độ hồ sơ, gửi phản ánh kiến nghị; các chuyên mục rõ ràng.

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
9	1.2	Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương	Tuyên truyền người dân về tiện ích sử dụng internet; tiếp tục phát triển hạ tầng, internet băng thông rộng tới các vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh kết hợp với Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
10	1.3	Phúc đáp của chính quyền qua cổng thông tin điện tử	Nâng cao chất lượng, đổi mới giao diện theo hướng dễ tiếp cận, dễ sử dụng chuyên mục Hỏi đáp trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.
		Tổng cộng: 17 nhiệm vụ	

Phụ lục 6

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
I		Chỉ số PAR INDEX (04 nhiệm vụ)
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (04 nhiệm vụ)
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm
		Tổ chức thực hiện và hoàn thành trước hạn các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.
2	1.2	Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp
		(i) Xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo UBND tỉnh với doanh nghiệp đối với các lĩnh vực được UBND tỉnh phân công phụ trách có liên quan đến người dân, doanh nghiệp. (ii) Tham mưu UBND tỉnh xử lý 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đúng tiến độ thuộc phạm vi quản lý của cơ quan
3	1.3	Công tác kiểm tra CCHC
		Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra phải được xử lý xong trong tháng 11 hàng năm.
II		CHỈ SỐ SIPAS (06 nhiệm vụ)
4	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở và tại trụ sở cơ quan về các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
5	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương phổ biến dưới nhiều hình thức để người dân dễ dàng tham gia góp ý xây dựng đối với các chủ trương, chính sách được lấy ý kiến của người dân (đăng tải trên trang thông tin điện tử, họp/phỏng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân)	
6	3	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền sự phù hợp của các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, các hoạt động xúc tiến thương mại, chương trình phát triển điện lực của tỉnh, Trung ương cho người dân biết và sử dụng.	
7	4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền những kết quả đem lại từ các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, các hoạt động xúc tiến thương mại, chương trình phát triển điện lực của tỉnh giúp cho đời sống - kinh tế hộ gia đình ngày càng tốt hơn.	
III		CHỈ SỐ PAPI (01 nhiệm vụ)	
	1	Cung ứng dịch vụ công (01 nhiệm vụ)	
8		Cơ sở hạ tầng căn bản	Tăng cường công tác quản lý vận hành hệ thống điện; thường xuyên cải tạo lưới điện; tổ chức kiểm tra phát hiện và xử lý kịp thời những sự cố về đường dây, thiết bị trạm biến áp để đảm bảo an toàn sử dụng điện cho người dân và các cơ sở kinh doanh.
		Tổng cộng: 11 nhiệm vụ	



Phụ lục 7

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I		Chỉ số PAR INDEX (04 nhiệm vụ)	
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (04 nhiệm vụ)	
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm	Tổ chức thực hiện và hoàn thành trước hạn các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.
2	1.2	Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	(i) Xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo UBND tỉnh với doanh nghiệp đối với các lĩnh vực được UBND tỉnh phân công phụ trách có liên quan đến người dân, doanh nghiệp. (ii) Tham mưu UBND tỉnh xử lý 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đúng tiến độ thuộc phạm vi quản lý của cơ quan
3	1.3	Công tác kiểm tra CCHC	Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra phải được xử lý xong trong tháng 11 hàng năm.
II		CHỈ SỐ SIPAS (06 nhiệm vụ)	
4	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)	
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở và tại trụ sở cơ quan về các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương.	

		(iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.
5	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)
		Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương phổ biến dưới nhiều hình thức để người dân dễ dàng tham gia góp ý xây dựng đối với các chủ trương, chính sách được lấy ý kiến của người dân (đăng tải trên trang thông tin điện tử, họp/phòng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân)
6	3	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)
		Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền sự phù hợp của các chủ trương, chính sách về phát triển giao thông đường bộ của tỉnh, Trung ương cho người dân biết và sử dụng.
7	4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)
		Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền những kết quả đem lại từ các chính sách phát triển giao thông đường bộ của tỉnh giúp cho đời sống - kinh tế hộ gia đình ngày càng tốt.
		Tổng cộng: 10 nhiệm vụ

Phụ lục 8

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1592** /QĐ-UBND ngày **12** tháng **5** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
I		
Chỉ số PAR INDEX (04 nhiệm vụ)		
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (04 nhiệm vụ)
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm
		Tổ chức thực hiện và hoàn thành trước hạn các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.
2	1.2	Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp
		(i) Xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo UBND tỉnh với doanh nghiệp đối với các lĩnh vực được UBND tỉnh phân công phụ trách có liên quan đến người dân, doanh nghiệp. (ii) Tham mưu UBND tỉnh xử lý 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đúng tiến độ thuộc phạm vi quản lý của cơ quan
3	1.3	Công tác kiểm tra CCHC
		Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra phải được xử lý xong trong tháng 11 hàng năm.
II		
CHỈ SỐ SIPAS (06 nhiệm vụ)		
4	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở và tại trụ sở cơ quan về các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.
5	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
		Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương phổ biến dưới nhiều hình thức để người dân dễ dàng tham gia góp ý xây dựng đối với các chủ trương, chính sách được lấy ý kiến của người dân (đăng tải trên trang thông tin điện tử, họp/phỏng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân)	
6	3	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền sự phù hợp của các chủ trương, chính sách về việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước của tỉnh, Trung ương cho người dân biết và sử dụng.	
7	4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền những kết quả đem lại từ các chính sách về việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước của tỉnh giúp cho đời sống - kinh tế hộ gia đình ngày càng tốt.	
III		CHỈ SỐ PAPI (10 nhiệm vụ)	
	1	Công khai minh bạch trong hoạch định chính sách (02 nhiệm vụ)	
8	1.1	Danh sách hộ nghèo	Kiểm tra việc thực hiện quy trình rà soát, xét duyệt và công khai các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại các địa phương
9	1.2	Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, giá bồi thường thu hồi đất	Kịp thời phối hợp công khai các quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất; các quy định, chính sách liên quan đến đền bù, hỗ trợ, giải tỏa, tái định cư (nếu có) trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	2	Thủ tục hành chính công (02 nhiệm vụ)	
10		Thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	(i) Giải quyết tốt thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai. (ii) Xử lý nghiêm các trường hợp công chức, viên chức gây phiền hà, nhũng nhiễu khi giải quyết TTHC trong lĩnh vực đất đai; giải quyết hiệu quả các tranh chấp, khiếu kiện về đất đai.
	3	Cung ứng dịch vụ công (03 nhiệm vụ)	
11		Cơ sở hạ tầng căn bản	(i) Phối hợp với các địa phương duy trì thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đạt chỉ tiêu được giao; đồng thời, phợp với các địa phương đẩy mạnh tiến độ đầu tư và kêu gọi đầu tư các Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt phía Bắc, phía Nam và phía Tây tỉnh. (ii) Xây dựng chỉ tiêu và kế hoạch đầu nối hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung theo từng tháng. (iii) Thực hiện rà soát tình hình hoạt động các trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
			tỉnh; xây dựng kế hoạch, phân kỳ ưu tiên đầu tư nâng cấp các trạm cấp nước không đạt quy chuẩn, thực hiện các giải pháp cấp nước vùng lõm để đạt được mục tiêu tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước.
	4	Quản trị môi trường (03 nhiệm vụ)	
12	4.1	Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường	Thường xuyên kiểm tra và kịp thời xử lý vi phạm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết kịp thời các kiến nghị của người dân về ô nhiễm môi trường một cách nhanh chóng, triệt để.
13	4.2	Chất lượng không khí	(i) Tăng cường công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ môi trường nước; tăng cường cấp phép, kiểm tra các cơ sở có lưu lượng khí thải, nước thải lớn, tiềm năng gây ô nhiễm; xử phạt các đơn vị vi phạm (ii) Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường.
14	4.3	Chất lượng nước	
		Tổng số: 20 nhiệm vụ	

Phụ lục 9

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I		Chỉ số PAR INDEX (04 nhiệm vụ)	
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (04 nhiệm vụ)	
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm	Tổ chức thực hiện và hoàn thành trước hạn các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.
2	1.2	Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	(i) Xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo UBND tỉnh với doanh nghiệp đối với các lĩnh vực được UBND tỉnh phân công phụ trách có liên quan đến người dân, doanh nghiệp. (ii) Tham mưu UBND tỉnh xử lý 100% đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đúng tiến độ thuộc phạm vi quản lý của cơ quan
3	1.3	Công tác kiểm tra CCHC	Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra phải được xử lý xong trong tháng 11 hàng năm.
II		Chỉ số SIPAS (06 nhiệm vụ)	
4	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)	
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở về các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.	

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
5	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương phổ biến dưới nhiều hình thức để người dân dễ dàng tham gia góp ý xây dựng đối với các chủ trương, chính sách được lấy ý kiến của người dân (đăng tải trên trang thông tin điện tử, họp/ phòng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân)	
6	3	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Tập trung tuyên truyền sự phù hợp của các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thông qua Hệ thống Đài truyền thanh thông minh để người dân biết và sử dụng.	
7	4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Tuyên truyền những kết quả đem lại từ các nhóm chính sách an sinh xã hội và các nhóm chính sách phát triển kinh tế giúp cho đời sống - kinh tế hộ gia đình ngày càng tốt.	
		Tổng số: 10 nhiệm vụ	

Phụ lục 10

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I		Chỉ số PAR INDEX (02 nhiệm vụ)	
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính	
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm	Tổ chức thực hiện và hoàn thành trước hạn các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.
2	1.2	Công tác kiểm tra CCHC	Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra phải được xử lý xong trong tháng 11 hàng năm.
II		CHỈ SỐ SIPAS (06 nhiệm vụ)	
3	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)	
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của ban về các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.	
4	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương phổ biến dưới nhiều hình thức để người dân dễ dàng tham gia góp ý xây dựng đối với các chủ trương, chính sách được lấy ý kiến của người dân (đăng tải trên trang thông tin điện tử, họp/phỏng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân)	

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
5	3	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền sự phù hợp của các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế của tỉnh, Trung ương cho người dân biết và sử dụng.	
6	4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Tuyên truyền những kết quả đem lại giúp cho đời sống - kinh tế hộ gia đình ngày càng tốt từ các chủ trương của tỉnh.	
		Tổng cộng: 08 nhiệm vụ	



Phụ lục 11
KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
I		Chỉ số PAR INDEX (02 nhiệm vụ)	
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính	
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm	Tổ chức thực hiện và hoàn thành trước hạn các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.
2	1.2	Công tác kiểm tra CCHC	Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra phải được xử lý xong trong tháng 11 hàng năm.
II		CHỈ SỐ SIPAS (06 nhiệm vụ)	
3	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)	
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở và tại trụ sở cơ quan về các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.	
4	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương phổ biến dưới nhiều hình thức để người dân dễ dàng tham gia góp ý xây dựng đối với các chủ trương, chính sách được lấy ý kiến của người dân (đăng tải trên trang thông tin điện tử, họp/phòng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân)	
5	3	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền các chủ trương, chính sách của tỉnh, Trung ương trên lĩnh	

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
		vực y tế như: khám chữa bệnh, chính sách y tế cộng đồng để người dân được biết.	
6	4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền những kết quả, lợi ích đem lại từ các chính sách khám chữa bệnh, chính sách y tế cộng đồng của tỉnh, Trung ương giúp cho đời sống hộ gia đình ngày càng tốt.	
III		CHỈ SỐ PAPI (05 nhiệm vụ)	
	1	Kiểm soát tham nhũng khu vực công (02 nhiệm vụ)	
7		Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công	(i) Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh thực hiện việc công khai quy trình, thủ tục khám bệnh, chữa bệnh; Công khai giá dịch vụ, chi phí khám chữa bệnh, danh mục thuốc, vật tư y tế. (ii) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh; thái độ phục vụ, quy tắc ứng xử của các nhân viên y tế tại các cơ sở y tế.
	2	Cung ứng dịch vụ công (03 nhiệm vụ)	
8		Y tế công lập	(i) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế đảm bảo phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho người dân (ii) Chỉ đạo các Bệnh viện, Trung tâm y tế, Trạm y tế nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân, tổ chức khám bệnh miễn phí cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi. (iii) Thường xuyên tuyên truyền các lợi ích về bảo hiểm y tế để khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm y tế; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế.
		Tổng cộng: 13 nhiệm vụ	



Phụ lục 12

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1592** /QĐ-UBND ngày **12** tháng **5** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I		Chỉ số PAR INDEX (02 nhiệm vụ)	
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (02 nhiệm vụ)	
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm	Tổ chức thực hiện và hoàn thành trước hạn các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.
2	1.2	Công tác kiểm tra CCHC	Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra phải được xử lý xong trong tháng 11 hàng năm.
II		CHỈ SỐ SIPAS (06 nhiệm vụ)	
3	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)	
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở và tại trụ sở cơ quan về các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.	
4	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương phổ biến dưới nhiều hình thức để người dân dễ dàng tham gia góp ý xây dựng đối với các chủ trương, chính sách được lấy ý kiến của người dân (đăng tải trên trang thông tin điện tử, họp/phỏng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân)	

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
5	3	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền các chủ trương, chính sách của tỉnh, Trung ương liên quan đến lĩnh vực giáo dục để người dân biết, tham gia.	
6	4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tuyên truyền những kết quả đem lại từ các chính sách giáo dục phổ thông của tỉnh, Trung ương giúp cho đời sống hộ gia đình ngày càng tốt.	
III		CHỈ SỐ PAPI (02 nhiệm vụ)	
	1	Kiểm soát tham nhũng khu vực công (01 nhiệm vụ)	
7		Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm tra đột xuất việc giải quyết TTHC cho người dân để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức gây nhũng nhiễu, phiền hà người dân
	2	Cung ứng dịch vụ công (01 nhiệm vụ)	
8		Giáo dục tiểu học công lập	Đầu tư, cải thiện điều kiện cơ sở vật chất của trường tiểu học, chú trọng các tiêu chí: số lượng học sinh trong một lớp theo quy định; nước uống, nhà vệ sinh sạch sẽ; chỉ đạo công khai các khoản thu, chi tài chính của các cơ sở giáo dục; kiểm soát việc dạy thêm, học thêm đảm bảo đúng quy định; nâng cao chất lượng dạy và học tại các nhà trường, nhất là cấp tiểu học; đảm bảo cho trẻ em trong độ tuổi được đến trường.
		Tổng cộng: 10 nhiệm vụ	



Phụ lục 13

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA THANH TRA TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số **1592** /QĐ-UBND ngày **12** tháng **5** năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I	Chỉ số PAR INDEX (02 nhiệm vụ)		
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (02 nhiệm vụ)	
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm	Tổ chức thực hiện và hoàn thành trước hạn các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.
2	1.2	Công tác kiểm tra CCHC	Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra phải được xử lý xong trong tháng 11 hàng năm.
II	CHỈ SỐ PAPI (05 nhiệm vụ)		
	1	Trách nhiệm giải trình với người dân (01 nhiệm vụ)	
3		Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân	Thực hiện công tác tiếp công dân thường xuyên, định kỳ, đột xuất theo quy định; tăng cường đối thoại với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư; tập trung giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật đối với các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân tránh gây bức xúc, tạo dư luận không tốt trong Nhân dân.
	2	Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công (04 nhiệm vụ)	
4	2.1	Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương	(i) Thường xuyên giám sát, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của sở, ngành, địa phương. (ii) Công khai rộng rãi kết quả xử lý các vụ việc về phòng, chống tham nhũng trên các phương tiện thông tin đại chúng.
5	2.2	Quyết tâm chống tham	(i) Xử lý kịp thời các trường hợp tiêu cực, tham nhũng, lạm dụng chức quyền trong lĩnh vực đất đai, xây dựng; hoạt động cung ứng dịch vụ công, giải quyết TTHC, tuyển dụng công chức,

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
	những	viên chức. (ii) Mở rộng các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân lên quan đến phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.
		Tổng cộng: 07 nhiệm vụ

Phụ lục 14

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ NGOẠI VỤ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I		Chỉ số PAR INDEX (02 nhiệm vụ)	
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (02 nhiệm vụ)	
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm	Tổ chức thực hiện và hoàn thành trước hạn các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.
2	1.2	Công tác kiểm tra CCHC	Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra phải được xử lý xong trong tháng 11 hàng năm.
		Tổng cộng: 02 nhiệm vụ	

Phụ lục 15

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I	Chỉ số PAR INDEX (02 nhiệm vụ)		
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (02 nhiệm vụ)	
1	1.1	Thực hiện kế hoạch CCHC tỉnh hàng năm	Tổ chức thực hiện và hoàn thành trước hạn các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.
2	1.2	Công tác kiểm tra CCHC	Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra phải được xử lý xong trong tháng 11 hàng năm.
		Tổng cộng: 02 nhiệm vụ	

Phụ lục 16

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA CÔNG AN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
I		CHỈ SỐ SIPAS (06 nhiệm vụ)	
1	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (03 nhiệm vụ)	
		(i) Chỉ đạo lực lượng công an các cấp tập trung tiếp tục đấu tranh trấn áp các loại tội phạm vi phạm pháp luật hình sự; tham mưu giải quyết các vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, kéo dài, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị công an cấp địa phương phối hợp thực hiện tuyên truyền. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc.	
2	2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Phổ biến các hình thức để người dân dễ dàng thực hiện tố cáo tội phạm	
3	3	Chất lượng chính sách/Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Hướng dẫn, đôn đốc lực lượng công an các cấp nắm bắt tình hình địa bàn, tăng cường phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm kinh tế, tham nhũng, ma túy, môi trường.	
4	4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Tuyên truyền những kết quả đem lại từ kết quả giữ gìn trật tự an toàn an ninh xã hội của tỉnh giúp cho đời sống hộ gia đình ngày càng tốt.	
II		CHỈ SỐ PAPI (02 nhiệm vụ)	
	1	Cung ứng dịch vụ công (02 nhiệm vụ)	

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
5		An ninh trật tự	(i) Chỉ đạo lực lượng công an cấp xã tập trung tiếp tục đấu tranh trấn áp các loại tội phạm vi phạm pháp luật hình sự; các ổ, nhóm, tụ điểm về ma túy, đánh bạc, cho vay nặng lãi, cướp giật, lừa đảo; các tổ chức lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo... tham mưu giải quyết các vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp, kéo dài, không để hình thành “điểm nóng” về an ninh trật tự. (ii) Tăng cường phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm kinh tế, tham nhũng, ma túy, môi trường.
		Tổng cộng: 08 nhiệm vụ	

Phụ lục 17

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA BẢO HIỂM XÃ HỘI KHU VỰC XIII

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
I	CHỈ SỐ PAPI (02 nhiệm vụ)	
1	Cung ứng dịch vụ công	
	Y tế công lập	(i) Thường xuyên tuyên truyền các lợi ích về bảo hiểm y tế để khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm y tế. (ii) Thực hiện có hiệu quả công tác cấp, phát thẻ bảo hiểm y tế, nhất là việc rà soát, cấp phát thẻ cho hộ nghèo đảm bảo theo quy định.
	Tổng cộng: 02 nhiệm vụ	

**Phụ lục 18****KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I		CHỈ SỐ SIPAS (04 nhiệm vụ)	
1	1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (02 nhiệm vụ)	
		(i) Phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã tuyên truyền về Chỉ số SIPAS và việc triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với cơ quan hành chính nhà nước hằng năm. (ii) Thực hiện giám sát và phản biện xã hội, đóng góp ý kiến hoàn thiện các chính sách, pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích của người dân.	
2	2	Chất lượng chính sách/ Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Giám sát, phản biện ý kiến của người dân đối với việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách và cung ứng dịch vụ hành chính công, công tác cải cách hành chính	
3	3	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)	
		Phối hợp với Chính quyền địa phương tuyên truyền những chính sách có tác động trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội của người dân.	
II		CHỈ SỐ PAPI (03 nhiệm vụ)	
	1	Trách nhiệm giải trình với người dân (03 nhiệm vụ)	

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
5	Hiệu quả tương tác với các cấp chính quyền	(i) Thường xuyên phối hợp, giám sát việc thực hiện Luật thực hiện dân chủ cơ sở và các quy định khác có liên quan. (ii) Phối hợp với chính quyền và các tổ chức thành viên tuyên truyền sâu rộng đến các tổ chức thành viên, cộng đồng dân cư về vai trò của PAPI và ý nghĩa của việc người dân đánh giá chính quyền. (iii) Phối hợp với chính quyền tuyên truyền, vận động người dân tham gia tích cực đánh giá khách quan các nội dung trong các cuộc khảo sát PAPI hằng năm.
		Tổng cộng: 07 nhiệm vụ



Phụ lục 19

KHUNG DANH MỤC NHIỆM VỤ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1592 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
I	Chỉ số PAR INDEX (13 nhiệm vụ)		
	1	Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính (02 nhiệm vụ)	
1	1.1	Công tác kiểm tra CCHC	Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế sau kiểm tra công tác cải cách hành chính, đảm bảo 100% các tồn tại, hạn chế mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra phải được xử lý xong trong tháng 11 hàng năm.
2	1.2	Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	Theo dõi việc giải quyết các kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp có liên quan trên địa bàn, đồng thời thông tin lại cho người dân, doanh nghiệp biết về kết quả xử lý các kiến nghị, đề xuất.
	2	Cải cách thủ tục hành chính (06 nhiệm vụ)	
3	2.1	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	(i) Cập nhật, công khai đúng, đầy đủ, kịp thời các thông tin về TTHC tại địa phương. (ii) Cập nhật tiến độ, kết quả giải quyết 100% hồ sơ TTHC trên Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh.
4	2.2	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết phải được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã theo quy định.
5	2.3	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	(i) Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định về giải quyết các TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền; phần đầu 100% hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn. (ii) Thực hiện kịp thời việc xin lỗi đối với 100% hồ sơ TTHC bị trễ hạn trong giải quyết TTHC.
6	2.4	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm	100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết phải được giải quyết kịp thời, đúng quy định.

STT	Tiêu chí thành phần		Nhiệm vụ cần thực hiện
		quyền giải quyết	
	3	Cải cách chế độ công vụ (01 nhiệm vụ)	
7	3.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	100% cán bộ, công chức cấp xã thuộc phạm vi quản lý phải tốt nghiệp từ đại học trở lên với ngành đào tạo phù hợp yêu cầu nhiệm vụ của từng chức vụ, chức danh theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.
	4	Cải cách tài chính công (02 nhiệm vụ)	
8	4.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	(i) Việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước phải đảm bảo theo quy chế chi tiêu nội bộ và theo các quy định của pháp luật về tài chính – ngân sách. Cụ thể: - Kịp thời xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện đảm bảo theo quy định; - Thực hiện đúng quy định về xây dựng, trình dự toán ngân sách cấp xã và tổ chức thu, chi đúng nội dung, đúng dự toán đã được HĐND cấp xã phê duyệt; công khai dự toán, quyết toán, phân bổ, sử dụng ngân sách theo đúng quy định. (ii) Hoàn thành 100% các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước đảm bảo theo quy định.
	5	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số (02 nhiệm vụ)	
9	5.1	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước.	100% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm việc xử lý, tạo lập hồ sơ công việc gửi, nhận văn bản điện tử trên Hệ thống văn phòng điện tử. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở, xử lý cán bộ, công chức, viên chức không chấp hành.
10	5.2	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức	Tổ chức triển khai thực hiện “Khung nhiệm vụ thực hiện Chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp” ban hành kèm theo Quyết định số 3565/QĐ-UBND ngày 12/10/2024 của UBND tỉnh; trong đó lưu ý các chỉ tiêu về tỷ lệ: số hóa hồ sơ, tái sử dụng thông tin, dữ liệu, dịch vụ công toàn trình, thanh toán trực tuyến, hồ sơ toàn trình phải thuộc nhóm dẫn đầu toàn quốc .
II		CHỈ SỐ SIPAS (33 nhiệm vụ)	
	1	Việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách công (14 nhiệm vụ)	
11	1.1	Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách (06 nhiệm vụ)	

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		(i) Kịp thời công khai đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý trên Trang thông tin điện tử cấp xã (nếu có) hoặc công khai tại trụ sở UBND cấp xã, thôn, khu phố các chủ trương, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý để người dân tiếp cận, nắm bắt và thực hiện. Đối với các chủ trương, chính sách lớn cần phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền trên Báo Bình Định, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Hệ thống đài truyền thanh thông minh. (ii) Có văn bản hướng dẫn các đơn vị, cơ sở phối hợp thực hiện tuyên truyền tại địa phương. (iii) Phân công cán bộ tiếp công dân và giải thích chính sách khi có công dân đến liên hệ, giải quyết công việc. (iv) Thực hiện nghiêm những nội dung chính quyền địa phương cấp xã phải công khai theo Luật thực hiện Dân chủ ở cơ sở. Trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật, chính quyền địa phương cấp xã phải công khai các nội dung sau đây: + Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm của cấp xã và kết quả thực hiện; + Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được HĐND cấp xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được HĐND cấp xã phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có); + Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn cấp xã; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do cấp xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã; quy hoạch xây dựng xã và điểm dân cư nông thôn; quy hoạch chung được lập cho xã, phường, đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được lập cho các khu vực thuộc phạm vi xã, phường; + Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương cấp xã; + Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn cấp xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp; + Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do cấp xã quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		của chính quyền địa phương cấp xã; + Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn cấp xã; + Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn cấp xã; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn cấp xã; + Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn cấp xã; + Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã; + Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung chính quyền địa phương cấp xã đưa ra lấy ý kiến Nhân dân quy định tại Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; + Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền địa phương cấp xã trực tiếp thu; + Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do chính quyền địa phương cấp xã trực tiếp thực hiện; + Nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. (v) Thực hiện đúng thời điểm công khai thông tin: Thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức công khai thông tin. (vi) Thực hiện các hình thức công khai thông tin: + Cổng/Trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương cấp xã

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		+ Niêm yết thông tin tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố. Thời gian niêm yết thông tin ít nhất là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. + Phát tin trên hệ thống truyền thanh của cấp xã trong thời hạn ít nhất là 03 ngày liên tục. + Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thông báo đến Nhân dân thông qua một hoặc nhiều hình thức, gồm thông báo tại cuộc họp của cộng đồng dân cư, cuộc họp, sinh hoạt của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức, đoàn thể khác ở thôn, tổ dân phố; thông báo trực tiếp hoặc gửi văn bản thông báo đến từng hộ gia đình; thông qua tin nhắn đến đại diện hộ gia đình hoặc sử dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật và đã được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn
12	1.2	Sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách (02 nhiệm vụ)
		(i) Thực hiện đa dạng hình thức để người dân dễ dàng tham gia góp ý xây dựng đối với các văn bản quy phạm pháp luật được lấy ý kiến của người dân (đăng tải trên trang thông tin điện tử của chính quyền địa phương, họp/ phỏng vấn tại khu dân cư, phiếu xin ý kiến/phiếu khảo sát gửi tới người dân ...), nhất là các nội dung Trung ương lấy ý kiến qua VNEID. (ii) Hằng tháng, quý, tổ chức ít nhất 01 cuộc họp của cộng đồng dân cư, cuộc họp, sinh hoạt của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức, đoàn thể khác ở thôn, tổ dân phố để phổ biến, trao đổi, ghi nhận các kiến nghị, các đóng góp về chủ trương, chính sách được phản ánh từ người dân.
13	1.3	Chất lượng chính sách/Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách (05 nhiệm vụ)
		(i) Thực hiện 03 lần/năm khảo sát, lấy ý kiến của người dân về sự hài lòng trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin và quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở. (ii) Tổ chức triển khai tuyên truyền tập trung các nhóm chính sách an sinh xã hội ngoài chính sách về phát triển kinh tế, ưu tiên nâng cao chất lượng của các chính sách quan trọng, nhận được sự quan tâm lớn của người dân. (iii) Truyền thông chính sách, tuyên truyền sự phù hợp của các chính sách, quy định pháp luật cho người dân biết và sử dụng. Tập trung truyền thông với tần suất liên tục trong tháng 9 và tháng 10. (iv) Nắm bắt việc thực hiện quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở tại các thôn, tổ, khu phố của địa phương. Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền các vấn đề phát sinh, nổi cộm, gây bức xúc trong dư luận (v) Rà soát, đánh giá công tác triển khai Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở tại địa phương.
14	1.4	Kết quả, tác động của chính sách (01 nhiệm vụ)

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		Tuyên truyền về các chính sách của Trung ương, của tỉnh có tác động trực tiếp đến đời sống của người dân để nắm bắt, thực hiện (giáo dục, y tế, an sinh xã hội, điện, nước, giao thông đường bộ, phát triển kinh tế địa phương, cải cách hành chính)
	2	Việc cung ứng dịch vụ hành chính công (19 nhiệm vụ)
15	2.1	Tiếp cận dịch vụ (02 nhiệm vụ)
		(i) Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận một cửa các cấp đáp ứng và phục vụ tốt nhất các nhu cầu của người dân, tổ chức trong giải quyết TTHC: + Bảng hiệu Bộ phận một cửa, bảng niêm yết, thông báo rõ ràng, đầy đủ; + Bố trí đầy đủ ghế ngồi, bàn viết hồ sơ, quạt máy (máy lạnh), nước uống cho người dân, tổ chức; + Trang bị đầy đủ máy tra cứu TTHC, máy scan, máy photocopy. (ii) Đa dạng hóa các hình thức cung cấp thông tin về TTHC: thông qua phương tiện thông tin đại chúng, ứng dụng CNTT, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức tiếp cận, tìm hiểu để thực hiện khi có nhu cầu.
16	2	Thủ tục hành chính (06 nhiệm vụ)
		(i) Rà soát, công khai TTHC ở nơi người dân dễ tiếp cận nhất; đảm bảo thường xuyên cập nhập, công khai đầy đủ 100% TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, giải quyết theo đúng quy định; hình thức công khai phải rõ ràng, dễ tiếp cận, dễ khai thác, thuận tiện trong việc sử dụng. (ii) Rà soát, kiến nghị kịp thời với cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh đối với những TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hết hiệu lực thì hành để kịp thời tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC/ kiến nghị cơ quan Trung ương công bố đảm bảo đúng quy định. (iii) Thực hiện nghiêm túc, đúng quy định về giải quyết các TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền, nhất là thủ tục xác nhận nguồn gốc đất tại địa phương; trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc do nguồn gốc đất phức tạp, cần kéo dài thời gian xử lý thì phải kịp thời báo cáo, tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền và liên hệ, giải thích rõ để người dân nắm thông tin, tạo được sự thông cảm, đồng thuận của người dân, tránh trường hợp để hồ sơ tồn đọng, kéo dài nhưng không minh bạch thông tin. (iv) Đề cao vai trò, trách nhiệm của Người đứng đầu trong công tác theo dõi, tự kiểm tra và đánh giá thực chất về thái độ ứng xử, kỹ năng hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC của Bộ phận Một cửa. Thực hiện nghiêm túc quy định về chuẩn mực giao tiếp, ứng xử của cán bộ công chức. Kiên quyết xử lý nghiêm các cá nhân vi phạm nội quy cơ quan, quy

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		chế văn hóa công sở, quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. (v) Tham gia tập huấn và tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội công chức cấp xã phục vụ công tác tiếp nhận hồ sơ TTHC, bảo đảm 100% công chức cấp xã (kể cả công chức đảm nhiệm các vị trí văn thư, kế toán,... không thuộc Bộ phận Một cửa) có khả năng hướng dẫn thực hiện và tiếp nhận hồ sơ TTHC, đặc biệt đối với các TTHC thiết yếu của người dân, có tần suất giao dịch lớn... Luôn bố trí công chức túc trực tại Bộ phận Một cửa trong giờ hành chính để sẵn sàng hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ TTHC theo quy định. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng người dân phải chờ đợi hoặc đi lại nhiều lần để giải quyết TTHC do vắng mặt công chức Bộ phận Một cửa phụ trách tiếp nhận hồ sơ TTHC. (vi) Thực hiện việc gửi thư xin lỗi và công khai thư xin lỗi đối với 100% hồ sơ trễ hạn/quá hạn hoặc sơ suất trong việc thẩm định, tiếp nhận dẫn đến phải đề nghị người dân, doanh nghiệp bổ sung thêm thành phần hồ sơ.
17	3	Công chức trực tiếp giải quyết công việc (03 nhiệm vụ)
		(i) Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoặc có giải pháp giám sát từ xa qua camera, công chức, viên chức, người làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp xã thực hiện nghiêm văn hóa giao tiếp, ứng xử với người dân. (ii) Ứng dụng AI để hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ. (iii) Thực hiện nghiêm quy trình giải quyết TTHC đúng trình tự, thành phần hồ sơ, thời hạn và thẩm quyền theo quy định (không được tự ý yêu cầu thêm giấy tờ ngoài quy định; không gây phiền hà, sách nhiễu người dân.), xử lý nghiêm CCVC có gây phiền hà, nhũng nhiễu trong giải quyết TTHC.
18	4	Kết quả dịch vụ (05 nhiệm vụ)
		(i) Theo dõi, giám sát hằng ngày về tình hình giải quyết hồ sơ TTHC đảm bảo 100% hồ sơ TTHC phải được giải quyết và trả kết quả trước/đúng thời gian đã hẹn. (ii) Kết quả giải quyết TTHC đảm bảo phù hợp với quy định, có thông tin đầy đủ, chính xác, hạn chế thấp nhất việc cấp kết quả sai lệch thông tin. (iii) Thực hiện nghiêm việc xin lỗi người dân, tổ chức đối với những hồ sơ TTHC trễ hạn. (iv) Hồ sơ giải quyết quá hạn phải được thông báo trước cho người dân, doanh nghiệp ít nhất là 01 ngày trước thời điểm hết hạn giải quyết; đồng thời, phải thực hiện việc xin lỗi và hẹn lại thời gian trả kết quả. (v) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ công bằng, không thiên vị (Hồ sơ tiếp nhận trước phải được giải quyết trước, không ưu tiên hồ sơ quen biết hoặc tác động ngoài luồng).

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
19	5	Cơ quan chính quyền tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân (03 nhiệm vụ)	
		(i) Thực hiện niêm yết công khai số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ để người dân phản ánh, kiến nghị tại Bộ phận Một cửa cấp xã, Trang/Cổng thông tin điện tử của địa phương. (ii) 100% phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết phải được xử lý hoàn thành và công khai kết quả xử lý trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời hạn quy định kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị. (iii) Rà soát, đánh giá chất lượng trả lời phản ánh, kiến nghị để khắc phục kịp thời những nội dung người dân, doanh nghiệp đánh giá không hài lòng về cách giải quyết, trả lời của chính quyền.	
III		Chỉ số PAPI (57 nhiệm vụ)	
	1	Tham gia người dân ở cấp cơ sở (07 nhiệm vụ)	
20	1.1	Tri thức công dân	(i) Tuyên truyền, phổ biến và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. (ii) Thông tin cụ thể cho người dân biết về người đang giữ chức vụ lãnh đạo tại địa phương, chính sách hiện hành có ảnh hưởng trực tiếp đến người dân. (iii) Tổ chức họp dân định kỳ theo đúng quy định và thông báo lịch họp cho người dân trước 02 ngày.
21	1.2	Cơ hội tham gia	(i) Vận động, khuyến khích người dân tham gia vào các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, các hội, nhóm... (ii) Kịp thời tuyên truyền, phổ biến các quy định về quyền cử tri được đi bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để người dân được biết và lựa chọn đại diện.
22	1.3	Chất lượng bầu cử	Đảm bảo chất lượng công tác bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố; kịp thời thông báo đến người dân về kết quả bầu cử các cấp.
23	1.4	Đóng góp tự nguyện	Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân hiểu rõ, đúng các quy định về các khoản kinh phí huy động sự đóng góp tự nguyện để tích cực tham gia.
	2	Công khai, minh bạch trong hoạch định chính sách (09 nhiệm vụ)	
24	2.1	Tiếp cận thông tin	Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở. Đặc biệt, quan tâm đến việc thực hiện đúng, đầy đủ 14 nội dung chính quyền cấp xã phải

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
			công khai (Điều 11); 06 nội dung Nhân dân bàn và quyết định (Điều 15) và 09 nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định (Điều 25).
25	2.2	Công khai danh sách hộ nghèo	(i) Thực hiện quy trình rà soát, điều tra, bình xét và công nhận đối tượng hộ nghèo hằng năm theo tiêu chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều đúng theo quy định. (ii) Niêm yết công khai danh sách hộ nghèo tại UBND cấp xã, nhà văn hóa thôn, khu phố. (iii) Xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức thực hiện sai quy định về chính sách cho hộ nghèo theo quy định của Nhà nước (nếu phát hiện).
26	2.3	Công khai thu, chi ngân sách cấp xã/phường	(i) Thực hiện công khai thu, chi ngân sách cấp xã đầy đủ, kịp thời, chính xác, đúng quy định bằng các hình thức công khai rõ ràng, dễ hiểu, thuận tiện cho người dân tiếp cận như: Công khai tại trụ sở UBND cấp xã, trên báo, đài truyền thanh, trang thông tin điện tử, tại các buổi họp dân ... (ii) Phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và nhân dân; kịp thời ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực, xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm các quy định về quản lý tài chính, tài sản công.
27	2.4	Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá bồi thường thu hồi đất	(i) Dự thảo về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai tại địa phương đều phải tổ chức lấy ý kiến đóng góp của người dân tại nơi có đất. (ii) Thực hiện công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và khung giá đất trên Trang thông tin điện tử của xã, phường và tại trụ sở UBND các xã, phường. (iii) Kịp thời cập nhập, công khai khi có sự điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc khung giá đất. Phải công khai và thông báo cụ thể về mục đích sử dụng đất, mức giá đền bù khi thu hồi đất. Công bố kế hoạch đầu tư của các dự án trên địa bàn và kết quả xử lý các vụ việc qua giám sát ở khu dân cư.
	3	Trách nhiệm giải trình với người dân (08 nhiệm vụ)	
28	3.1	Mức độ và hiệu quả trong tiếp xúc với chính quyền	(i) Kịp thời đối thoại với tổ chức, cá nhân khi phát sinh những vấn đề bức xúc của tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai nhiệm vụ của UBND cấp xã; bố trí đầy đủ người đứng chức trách, đúng thẩm quyền khi tổ chức đối thoại. (ii) Nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân của chính quyền cơ sở trong việc thực

STT	Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
		hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao chú trọng vào giải trình các ý kiến của người dân đã phản ánh; thực hiện lịch tiếp công dân định kỳ và đột xuất của Chủ tịch UBND cấp xã; tập trung giải quyết hiệu quả những khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân. (iii) Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát cộng đồng tư cộng đồng tại các xã, phường: thường xuyên tổ chức tập huấn để nâng cao kỹ năng, chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng. (iv) Các dự án, chương trình đầu tư trong cộng đồng phải có sự tham gia của Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư cộng đồng.
28	3.2 Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân	(i) Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, chủ động và thường xuyên gặp gỡ, đối thoại với người dân thông qua các cuộc họp giải quyết có hiệu quả những khúc mắc, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân. (ii) Tăng cường cử cán bộ, công chức xuống cơ sở để kịp thời thông tin về chủ trương, chính sách, pháp luật và giải thích về những vấn đề nhân dân có phản ánh, kiến nghị.
30	3.3 Tiếp cận dịch vụ tư pháp	(i) Thường xuyên tuyên truyền phổ biến pháp luật với người dân đổi mới mô hình trợ giúp pháp lý theo hướng linh hoạt và gần dân như: mở rộng điểm trợ giúp pháp lý (tại trụ sở UBND cấp xã, nhà văn hóa khu phố/thôn, lồng ghép vào “ngày pháp luật tại xã”... (ii) Giới thiệu, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ người dân tiếp cận các dịch vụ tư pháp khi người dân có nhu cầu.
4	Kiểm soát tham nhũng khu vực công (10 nhiệm vụ)	
31	4.1 Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền địa phương	(i) Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, các văn bản có liên quan về phòng, chống tham nhũng bằng nhiều hình thức phù hợp để cán bộ, công chức, viên chức biết thực hiện và người dân giám sát việc thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng. (ii) Phát huy vai trò giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và nhân dân trong công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng. Xử lý nghiêm những hành vi tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình. Thực hiện công khai báo cáo kết quả phòng, chống

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
			tham nhũng hằng năm của xã theo quy định. (iii) Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm nghiêm và kịp thời các khiếu nại, tố cáo phản ánh tham nhũng, các vụ việc tham nhũng. (iv) Thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của cán bộ, công chức, viên chức.
32	4.2	Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công	Tổ chức khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ công được cung cấp (nhất là lĩnh vực y tế và giáo dục) để nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ người dân.
33	4.3	Công bằng trong tuyển dụng vào cơ quan nhà nước	(i) Thông tin, tuyên truyền cho người dân biết về các quy định trong tuyển dụng công chức, viên chức. (ii) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về các kỳ tuyển dụng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh để người dân được biết, tham gia nếu có nhu cầu.
34	4.4	Quyết tâm chống tham nhũng của chính quyền địa phương	(i) Tuyên truyền để người dân biết về Luật Phòng chống tham nhũng để mạnh dạn tố cáo hành vi vi phạm, đòi hỏi lộ của cán bộ, công chức, viên chức. (ii) Công khai các kênh tiếp nhận thông tin của người dân về hiện tượng tham nhũng vặt ở cơ sở. (iii) Công khai rộng rãi, kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng.
	5	Thủ tục hành chính công (04 nhiệm vụ)	
35	5.1	Dịch vụ chứng thực, xác nhận của chính quyền	(i) Thực hiện nghiêm túc có chất lượng công tác rà soát các quy định, TTHC thuộc phạm vi quản lý, kiến nghị cắt giảm tối đa các TTHC rườm rà, không cần thiết để giảm thời gian và chi phí tuân thủ TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân. Kịp thời cập nhật, công khai phí và lệ phí hướng dẫn cụ thể các bước thực hiện thứ tự quy trình của từng hoạt động trên Trang thông tin điện tử, tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và Ủy ban nhân dân các xã, phường. (ii) Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức. Thường xuyên khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng các dịch vụ được cung cấp, nhất là các dịch vụ: Chứng thực, xác nhận, cấp giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, đăng ký kinh doanh và các dịch vụ công
36	5.2	Thủ tục liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	
37	5.3	Dịch vụ hành chính cấp xã/phường	

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
			thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã, phường để nâng cao chất lượng phục vụ. (iii) Thường xuyên rà soát, chấn chỉnh, sắp xếp, bố trí công chức bộ phận một cửa bảo đảm các yêu cầu: Có đủ phẩm chất, năng lực để trực tiếp giải quyết, hướng dẫn và giải thích các yêu cầu của người dân, tổ chức. (iv) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức; tăng số lượng các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến để tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức và công dân trong việc giải quyết TTHC; đẩy mạnh tuyên truyền bằng nhiều hình thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC trực tuyến và qua dịch vụ bưu chính công ích để tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí đi lại cho cá nhân, tổ chức.
	6	Cung ứng dịch vụ công (08 nhiệm vụ)	
38	6.1	Y tế công lập	(i) Thông tin, tuyên truyền về quy định trẻ em dưới 6 tuổi được miễn phí khám chữa bệnh, người nghèo được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế; tác dụng của thẻ bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh; (ii) Chỉ đạo, điều phối các hoạt động y tế tại địa phương, bảo đảm các chương trình y tế triển khai đồng bộ và hiệu quả. Phối hợp với Trạm Y tế trên địa bàn trong việc tổ chức tiêm chủng, phòng chống dịch, khám sức khỏe định kỳ, vệ sinh môi trường.
39	6.2	Giáo dục tiểu học công lập	(i) Tham gia xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục, quy hoạch trường lớp, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục tiểu học. Quản lý, bảo vệ, sửa chữa nhỏ các hạng mục trường học; tạo điều kiện bố trí đất đai, nguồn lực để mở rộng, cải tạo trường lớp. Đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường xung quanh trường học. (ii) Tổ chức kiểm tra về tình trạng dạy học thêm; các khoản thu phí, lệ phí, các loại quỹ tại các trường công lập.
40	6.3	Cơ sở hạ tầng căn bản	(i) Rà soát, bê tông hóa, thảm nhựa các tuyến đường giao thông trên địa bàn hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền thực hiện. (ii) Tổng hợp số hộ chưa có điện, khu vực điện yếu, thiếu ổn định, Gửi kiến nghị lên cấp trên, ngành điện lực để đầu tư mở rộng lưới điện. (iii) Rà soát, lập danh sách các hộ dân có/không có nước sạch để cấp nước sạch cho người dân. Thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn.

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
41	6.4	An ninh, trật tự khu dân cư	Chỉ đạo lực lượng Công an xã bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương, ngăn chặn có hiệu quả các loại tội phạm về ma túy, đánh bạc, cho vay nặng lãi, cướp giật, lừa đảo; các tổ chức lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo...
	7	Quản trị môi trường (06 nhiệm vụ)	
42	7.1	Nghiêm túc trong bảo vệ môi trường	(i) Thường xuyên tuyên truyền về bảo vệ môi trường cho người dân như: việc phân loại rác tại nguồn, bỏ rác đúng giờ và đúng nơi quy định... thông qua Đài truyền thanh cơ sở, Trang thông tin điện tử, tại các buổi họp dân ...để người dân hiểu rõ và có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường. (ii) Kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn; phát huy vai trò giám sát của nhân dân và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội khi triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn. (iii) Tiếp nhận, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết và phản hồi kịp thời cho người dân biết đối với các phản ánh, kiến nghị liên quan đến môi trường.
43	7.2	Chất lượng không khí	(i) Thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. (ii) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc đề xuất cấp thẩm quyền xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn.
44	7.3	Chất lượng nước	Thường xuyên tuyên truyền người dân, doanh nghiệp bảo vệ tài nguyên nước như: không xả thải ra ao, hồ, kênh mương, đặc biệt gần giếng nước; không sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học gần nguồn cấp nước. Kịp thời xử lý hoặc đề nghị đến các đơn vị có liên quan xử lý các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước (như rò rỉ chất thải, hóa chất, chất lượng nước không đảm bảo...) để người dân luôn sử dụng nước sạch.
	8	Quản trị điện tử (05 nhiệm vụ)	
45	8.1	Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương	(i) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến người dân trên địa bàn quản lý được biết địa chỉ truy cập Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Cổng Dịch vụ công của tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia ...để tìm hiểu, khai thác thông tin và thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến. (ii) Niêm yết, công khai địa chỉ truy cập Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Cổng Dịch vụ

STT		Tiêu chí thành phần	Nhiệm vụ cần thực hiện
			công của tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia tại trụ sở thôn, khu phố và qua các nền tảng mạng xã hội để người dân có thể dễ dàng truy cập, tiếp cận thông tin.
46	8.2	Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương	Phối hợp hội phụ nữ, đoàn thanh niên, Mặt trận Tổ quốc để hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ số, VNEID, các tiện ích trên môi trường số, nộp hồ sơ trực tuyến.
47	8.3	Phúc đáp của chính quyền qua cổng thông tin điện tử	(i) Tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện phản ánh, kiến nghị trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh, của địa phương. (ii) Kịp thời trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân thuộc phạm vi giải quyết
Tổng cộng: 103 nhiệm vụ			